

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 243/2023/DS-PT

Ngày 03-8-2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận về hợp tác kinh doanh và tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr

Các thẩm phán: Ông Vũ Văn Tú và bà Nguyễn Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 133/2023/TLPT-DS ngày 25/5/2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận về hợp tác kinh doanh và tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2023/DS-ST ngày 16, 22/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2023/QĐ-PT ngày 05/7/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 161/2023/QĐ-PT ngày 24/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn N, sinh năm 1983 (có mặt) và bà Nguyễn Thị Ly N1, sinh năm 1983 (vắng mặt). Địa chỉ: Số 36 Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ hiện nay: Xóm 3, thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn N là: Luật sư Văn Đức M - Văn phòng Luật sư Phan Anh C, Chi nhánh Đắk Lắk - Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: Số 108 N, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Đinh Văn X, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số 255 T, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông (theo văn bản ủy quyền ngày 05/11/2018) (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Vũ Lê Phi V, sinh năm 1986 và bà Bùi Thị Mỹ H. Cùng địa chỉ: Số 119 Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

3.2. Bà Hoàng Thị Kiều N, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 199 L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ hiện nay: 87 M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

3.3. Ông Lê Hữu Đ, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 43 M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

3.4. Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 37/20 N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

3.5. Bà Phạm Thị Hồng N1, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*Vắng mặt, có đơn từ chối tham gia tố tụng*).

3.6. Văn phòng Công chứng Đ. Địa chỉ: Số 38 N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

3.7. Văn phòng Công chứng T. Địa chỉ: Số 49 L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

3.8. Văn phòng Công chứng B. Địa chỉ: Số 252 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị Ly N1; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Hoàng Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn ông Nguyễn N và bà Nguyễn Thị Ly N1 trình bày:***

Ông N và ông X có mối quan hệ quen biết và làm ăn với nhau từ năm 2017. Năm 2018, ông N vay của ông X số tiền 750.000.000 đồng để đầu tư bất động sản nhưng sau đó không có tiền trả nợ nên đã chuyển nhượng cho ông một lô đất tại thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông để cầm trừ nợ.

Khoảng 02 tháng sau, ông N và ông X bàn bạc hợp tác làm ăn với nhau. Ông N có ngôi nhà tại 185/xx đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk kinh doanh nhà nghỉ nay muốn chuyển sang kinh doanh mát xa, karaoke. Hai bên thỏa thuận ông X sẽ đưa lô đất ông N đã cầm nợ cho ông X để đưa vào góp vốn với giá trị 750.000.000 đồng, còn ông N thì đưa căn nhà nghỉ vào làm địa điểm, mặt bằng kinh doanh. Thời điểm này giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của căn nhà ông N đang thế chấp vay Ngân hàng 2.000.000.000 đồng, ông X nói ông có thể vay được 3.000.000.000 đồng nên hai bên thống nhất ông N sẽ trả nợ cho Ngân hàng lấy bìa đỏ ra để ông X vay lại 3.000.000.000 đồng.

Ngày 29/8/2018, ông X mang theo số tiền 2.200.000.000 đồng đến và đi cùng ông N để trả cho Ngân hàng. Ông N đã trả lại cho ông X 2.000.000.000 đồng vào ngày 04/9/2018, ông N còn nợ lại 200.000.000 đồng tiền trả Ngân hàng và 100.000.000 đồng chi phí để trả lãi ngân hàng về sau, chi phí làm bìa. Trả xong, ông X muốn là phải đứng cùng chủ sở hữu tài sản (nhà nghỉ 185/xx đường Đ) thì

ông X mới hợp tác kinh doanh trên mặt bằng đó. Ông N đồng ý và cùng ông X thỏa thuận (có trong văn bản): Ông N sẽ làm thủ tục chuyển nhượng lô đất cho ông X, ông X sẽ có trách nhiệm vay 2.000.000.000 đồng trong vòng 10 ngày để trả lại cho ông N, để ông N sử dụng mục đích riêng, thì căn nhà sẽ là tài sản chung của ông N và ông X.

Nếu trong 10 ngày mà không vay được để trả lại cho ông N 2.000.000.000 đồng thì ông X phải trả lại quyền sử dụng đất cho ông N. Do đó, ngày 04/9/2018 ông N đã ký sang nhượng căn nhà nghỉ cho ông X nhưng thực tế ông N vẫn là người quản lý. Quá 10 ngày, ông X không vay tiền để trả cho ông N và cũng không chuyển nhượng trả lại quyền sử dụng đất. Do đó, ông N khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng giữa ông N, bà N1 với ông X.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, ông X lại bán căn nhà cho bà Hoàng Thị Kiều N2, bà N2 bán lại cho ông V. Tết âm lịch năm 2019, ông N về quê ăn tết thì ở những người này tự cắt khóa và vào sử dụng từ đó đến nay.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu: Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/9/2018 giữa ông N, bà N1 và ông X. Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/12/2018 giữa ông Đinh Văn X, bà Phạm Thị Hồng N1 với bà Hoàng Thị Kiều N2. Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/12/2018 giữa bà Hoàng Thị Kiều N2 với ông Vũ Lê Phi V. Buộc ông Đinh Văn X phải giao trả lại căn nhà và đất tại địa chỉ 185/xx đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; thửa đất 18X, tờ bản đồ số 37, diện tích 140,1m².

Ông N đồng ý trả lại cho ông X số tiền nợ là 1.050.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Đồng thời hủy bỏ Văn bản thỏa thuận về việc hợp tác kinh doanh ngày 30/8/2018 giữa ông Nguyễn N, bà N1, ông Đ, bà B với ông X.

Đối với yêu cầu Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông V thì ông N đã rút yêu cầu khởi kiện này.

*** Bị đơn ông Đinh Văn X và người đại diện theo ủy quyền bà Hoàng Thị S trình bày:**

Ông N và ông X có mối quan hệ quen biết và làm ăn với nhau. Ngày 10/4/2018, ông Nguyễn N có vay của ông X số tiền 750.000.000 đồng và xin được thế chấp 02 thửa đất tại Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Tháng 5/2018, do ông N không trả được nợ nên đã chuyển nhượng 02 thửa đất này cho ông X để cầm trừ nợ. Tuy nhiên, sau khi nhận chuyển nhượng ông X xác minh lại thì 02 thửa đất này không đúng so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông X đã yêu cầu ông N phải trả lại 750.000.000 đồng và lãi suất, ông X sẽ sang tên trả lại đất cho ông N. Tháng 8/2018, ông X đã chuyển nhượng lại 02 thửa đất cho ông N.

Do ông N không có tiền trả cho ông X nên ông N đã trao đổi về việc ông N có tài sản tại địa chỉ 185/xx đường Đ, thành phố B đang thế chấp cho Ngân hàng nhưng không có tiền trả nên ông N muốn ông X vay giúp, hai bên sẽ ký thỏa thuận

cùng hợp tác đầu tư trên nhà nghỉ đó, phần vốn góp của ông X là số tiền 750.000.000 đồng mà ông N đang nợ.

Ông N và ông X thống nhất để ông X tìm người cho vay để trả 2.000.000.000 đồng và lãi suất cho ngân hàng, sau đó vay lại với số tiền cao hơn. Do vậy, ông X có nhờ bà Hoàng Thị Kiều N2 để trả tiền vào cho Ngân hàng cả lãi và gốc là 2.300.000.000 đồng thì bà N2 đồng ý. Đến ngày 29/8/2018, các bên cùng nhau ra Văn phòng Công chứng Đ để lập hợp đồng vay tiền giữa 03 bên, nhưng bà N2 không đồng ý, bà N2 chỉ đồng ý cho một mình ông X đứng ra vay tiền, rồi ông X sẽ lập hợp đồng cho ông N và bà N1 vay lại, vì bà N2 không biết ông N là ai.

Vài ngày sau cả 03 bên cùng tới Ngân hàng trả tiền. Bà N2 là người trực tiếp cầm tiền vào trả, nhưng giấy nộp tiền vào và nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ông N, bà N1.

Do ông N có nợ xấu không vay lại được nên ngày 04/9/2018 tại Văn phòng công chứng Đ, ông N và bà N1 ký vay của ông Đinh Văn X 2.300.000.000 đồng, đồng thời ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cho ông X.

Sau khi sang tên ông X, bìa đỏ bà N2 vẫn đang cầm, nhưng ngân hàng không cho vay nữa vì tài sản không đảm bảo để vay số tiền theo yêu cầu của ông N là 3.050.000.000 đồng. Do ông X không có tiền trả cho bà N2, trong khi ông N thì né tránh nên bà N2 gây áp lực buộc ông X phải sang tên căn nhà của ông N cho bà N2. Sau đó, bà N2 bán cho ai thì ông X không biết.

Sau 04 ngày lập văn bản thỏa thuận, thì ông X đã làm thủ tục sang tên lại 02 thửa đất tại Đắk Mil cho ông N. Đồng thời ông N bắt ông X phải viết giấy ông X đã nhận của ông N 2.000.000.000 đồng để hợp thức hóa việc ông N sang tên căn nhà cho ông N.

Vì vậy, ông X đồng ý hủy văn bản thỏa thuận về việc hợp tác kinh doanh ngày 30/8/2018 giữa ông N, bà N1, ông Đ, bà B và ông X vì văn bản này bản chất là không có thật mà chỉ nhằm hợp thức hóa khoản vay giữa ông X và ông N; Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/9/2018 giữa ông N với ông X; Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng ngày 18/12/2018 giữa ông X với bà N2. Ông N phải trả cho ông X số tiền nợ 2.300.000.000 đồng, để cho ông X trả lại cho bà N2, sau đó bà N2 phải trả lại nhà đất cho ông X để ông X trả lại nhà đất cho ông N.

Đối với số tiền 750.000.000 đồng ông N đang nợ thì ông X đã có yêu cầu phản tố buộc ông X phải trả số tiền gốc 750.000.000 đồng và lãi suất kể từ ngày vay 10/4/2018 tạm tính đến ngày 08/11/2018 là 67.500.000 đồng.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Kiều N2 trình bày:***

Ngày 29/8/2018, qua giới thiệu ông Đinh Văn X đã liên hệ vay tiền của bà N2 để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 18X, tờ bản đồ số 137, diện tích 140,1m² tại phường T, thành phố B. Thời điểm đó bìa đỏ đang thế chấp trong ngân hàng nên bà có yêu cầu người bán và ông X sang tên trước khi tiền được mang đến để trả ngân hàng. Sau khi thỏa thuận giữa ông X và người bán tại phòng công chứng và hoàn tất thủ tục sang nhượng thì chiều ngày 29/8/2018 bà N2 mang số tiền 2.200.000.000 đồng lên Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh H để thanh toán

số tiền và cầm GCNQSD đất (vì trong hợp đồng vay tiền ông X có thỏa thuận là thế chấp lại quyền sử dụng đất trên làm tin). Ông X cam kết là 10 ngày sẽ hoàn trả lại số tiền cho bà N2 nhưng đến gần 4 tháng ông X vẫn không trả. Sau đó ông X đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cho bà N2. Bà N2 không đồng ý với yêu cầu của ông N vì khi bà cho ông X vay tiền thì vợ chồng ông N đã chuyển nhượng nhà đất cho ông X tại phòng công chứng.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị B, ông Lê Hữu Đ trình bày:***

Do có nhu cầu hợp tác kinh doanh nên bà B, ông Đ và vợ chồng ông N, bà N1 và ông X có ký văn bản thỏa thuận về việc hợp tác kinh doanh vào ngày 30/8/2018. Theo văn bản thỏa thuận này, các ông, bà có trách nhiệm sang tên quyền sử dụng đất và căn nhà thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 4627xx cho ông X, đồng thời trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày sang tên cho ông X, ông X có trách nhiệm tiến hành thủ tục thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên để vay số tiền 2.000.000.000 đồng giao cho vợ chồng ông N. Nếu trong vòng 10 ngày, ông X không vay được số tiền 2.000.000.000 đồng thì văn bản thỏa thuận giữa các bên sẽ chấm dứt hiệu lực và ông X có trách nhiệm làm thủ tục chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất nói trên cho vợ chồng ông N, các ông, bà không có nghĩa vụ trả tiền mua nhà cho ông X.

Ngày 04/9/2018, vợ chồng ông N đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang cho ông Đinh Văn X; ngày 11/9/2018, ông X đã nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB4627xx, đăng ký biến động chủ sử dụng mang tên Đinh Văn X. Tuy nhiên, sau khi nhận được GCNQSD đất, ông X không tiến hành thủ tục thế chấp tài sản trên mà cố tình chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên cho người khác nhằm chiếm đoạt tài sản của ông N.

Do ông X đã không tôn trọng sự thỏa thuận của các bên và không thực hiện đúng các nội dung theo văn bản thỏa thuận ngày 30/8/2018, nên văn bản thỏa thuận giữa các bên đương nhiên chấm dứt hiệu lực theo quy định tại khoản 4, Điều 1 của Văn bản thỏa thuận này. Ông bà đề nghị ông Đinh Văn X phải tiến hành các thủ tục theo quy định để trả lại tài sản làm căn nhà và thửa đất tại địa chỉ 185/xx đường Đ, Tp. B cho vợ chồng ông Nguyễn N.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Lê Phi V, bà Bùi Thị Mỹ H trình bày:***

Tháng 01/2018, ông bà có nhận chuyển nhượng của bà N2 thửa đất tại số 185/xx đường Đ, Tp. B với giá là 2.000.000.000 đồng. Khi đó, trên đất có 01 ngôi nhà xây 3 tầng bỏ hoang. Ông bà đã thanh toán đầy đủ tiền và nhà, đất đã được đăng ký biến động quyền sử dụng sang cho ông bà. Trong thời gian ông bà đang tiến hành sửa sang nhà cửa thì nhận được giấy triệu tập của Tòa án về việc tranh chấp giữa ông N và ông X.

Đối với yêu cầu của ông N, yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà N2 với ông V, bà H thì ông bà không đồng ý. Vì ông bà nhận chuyển nhượng đất của bà N2 hoàn toàn hợp pháp và đã được đăng ký quyền sử

dụng đất. Việc chuyển nhượng giữa ông N với ông X; giữa ông X với bà N2 như thế nào ông bà không biết. Vì vậy, ông V bà H yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền lợi cho bà; đồng thời hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đối với thửa đất trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 16, 22/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Áp dụng các Điều 116, 117, 118, 119, 122, 124, 131, 133, 463, 466, 468, 500, 501, 502 và 503 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên xử:

[1.1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn N. Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/9/2018 giữa ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị Ly N1 với ông Đinh Văn X; được công chứng tại Văn phòng Công chứng Đ, số công chứng 013753, quyền số ĐĐ/CC-SCC/HĐGD.

[1.2] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị Ly N1 đối với yêu cầu:

+ Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/12/2018 giữa ông Đinh Văn X, bà Phạm Thị Hồng N1 với bà Hoàng Thị Kiều N2; được công chứng tại Văn phòng Công chứng T, số công chứng 00012308, quyền số 12/2018/TP/CC-SCC/HĐGD.

+ Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/12/2018 giữa bà Hoàng Thị Kiều N2 với ông Vũ Lê Phi V; được công chứng tại Văn phòng Công chứng T, số công chứng 00012617, quyền số 12/2018/TP/CC-SCC/HĐGD.

[1.3] Ông Đinh Văn X có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị Ly N1 giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 18x, tờ bản đồ số 37, tại số 185/xx đường Đ, phường T, thành phố B; với số tiền là 6.537.415.000 đồng.

[1.4] Chấp nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị Ly N1. Ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị Ly N1 có nghĩa vụ trả cho ông Đinh Văn X tổng số tiền nợ là 1.551.444.500 đồng; trong đó: tiền gốc 1.050.000.000 đồng, tiền lãi là 501.444.500 đồng.

[1.5] Hủy văn bản thỏa thuận về việc hợp tác kinh doanh ngày 30/8/2018 giữa ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị Ly N1, ông Lê Hữu Đ, bà Hoàng Thị B và ông Đinh Văn X; được công chứng tại Văn phòng Công chứng B, số công chứng 002764, quyền số 08/TP/CC-SCC/HĐGD.

[1.6] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị Ly N1 về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Hoàng Thị Kiều N2; ông Vũ Lê Phi V.

[2] Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm thực hiện hành vi nhất định” được quy định tại Điều 127 của Bộ luật tố tụng dân sự; đã được

Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 04/2019/QĐ-BPKCTT ngày 05 tháng 3 năm 2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/3/2023, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đinh Văn X là bà Hoàng Thị S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 08/3/2023, nguyên đơn ông Nguyễn N và ngày 11/3/2023 bị đơn bà Nguyễn Thị Ly N1 kháng cáo một phần bản án đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn N giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, đơn kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn N trình bày: Do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông N, bà N1 với ông X là giả mạo nên các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông X, bà N1 với bà N2 và giữa bà N2 với ông V, bà H là vô hiệu và căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của ông N, bà N1. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận đơn yêu cầu phản tố của ông X.

Bà Hoàng Thị Kiều N2 đề nghị giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Ông Vũ Lê Phi V đề nghị giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đơn kháng cáo của nguyên đơn là ông N không có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn N, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 16, 22/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Đối với đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ly N1 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đinh Văn X là bà Hoàng Thị S đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của những người này do vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm lần thứ 2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn được nộp trong thời hạn luật định và đã thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên vụ án được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp. Tuy nhiên, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ly N1 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đinh Văn X là bà Hoàng Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên coi như từ bỏ việc kháng cáo. Do đó căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đối với kháng cáo của nguyên đơn của ông Nguyễn N và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ly N1 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đinh Văn X là bà Hoàng Thị S.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông N, bà N1 khởi kiện yêu cầu hủy các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông N, bà N1 với ông X, giữa ông X, bà N1 với bà N2, giữa bà N2 với ông V đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 18x, tờ bản đồ số 37 tại địa chỉ 185/xx đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; đồng thời hủy Văn bản thỏa thuận về việc hợp tác kinh doanh ngày 30/8/2018 giữa ông N, bà N1, ông Đ, bà B với ông X. Bị đơn ông Đinh Văn X có yêu cầu phản tố ngày 14/11/2018 (BL 63) buộc ông N phải trả khoản tiền nợ gốc là 750.000.000 đồng và lãi suất 1,5%/ tháng tạm tính từ ngày 10/4/2018 đến ngày 08/11/2018 là 67.500.000 đồng, tổng cộng 817.500.000 đồng. Do đó, quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận về hợp tác kinh doanh và tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, cấp sơ thẩm đã có thiếu sót trong việc xác định yêu cầu phản tố của bị đơn, cần rút kinh nghiệm.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/9/2018 giữa ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị Ly N1 và ông Đinh Văn X:

Theo ông N trình bày, giữa ông N và ông X có thỏa thuận hợp tác góp vốn đầu tư để kinh doanh dịch vụ mát xa, karaoke trên căn nhà của ông N tại địa chỉ 185/xx đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nhưng do tài sản đang thế chấp vay 2.000.000.000 đồng tại Ngân hàng nên hai bên thống nhất sẽ trả nợ và lấy bìa đỏ ra để ông X vay lại 3.000.000.000 đồng; Sau khi trả nợ xong, ông X muốn cùng đứng tên sở hữu căn nhà, vì vậy mới có văn bản thỏa thuận ngày 30/8/2018 với nội dung: ông N làm thủ tục chuyển nhượng lô đất cho ông X, trong thời hạn 10 ngày ông X sẽ vay lại 2.000.000.000 đồng để đưa cho ông N. Trên cơ sở đó, ngày 04/9/2018, vợ chồng ông N, bà N1 đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 18x, tờ bản đồ số 37 nêu trên cho ông X. Bản thân ông X cũng khẳng định, do ông N có nợ xấu không vay lại được nên mới thỏa thuận để ông X đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau đó làm thủ tục thế chấp vay lại Ngân hàng số tiền nhiều hơn là 3.000.000.000 đồng.

Như vậy, thực chất hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/9/2018 giữa vợ chồng ông N và ông X chỉ nhằm mục đích để ông X vay tiền, tài sản vẫn do ông N, bà N1 sử dụng. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đây là hợp đồng giả tạo, vi phạm quy định tại Điều 117, 118, 122 và khoản 1 Điều 124 Bộ luật dân sự năm 2015 nên vô hiệu, đồng thời chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên “Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/09/2018 giữa ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị Ly N1 với ông Đinh Văn X” là không đúng mà cần tuyên hợp đồng vô hiệu mới chính xác.

[3.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/12/2018 giữa ông Đinh Văn X, bà Phạm Thị Hồng N1 với bà Hoàng Thị Kiều N2, thấy rằng:

Nguyên đơn và bị đơn đều xác định, bà N2 là người cho ông X vay số tiền 2.300.000.000 đồng để ông X cho vợ chồng ông N vay lại trả vào Ngân hàng, từ đó mới được lấy bìa đồ thửa đất 18X, tờ bản đồ số 37 ra, ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông X để làm thủ tục vay lại số tiền nhiều hơn trả cho bà N2. Tuy nhiên, nội dung này không được bà N2 thừa nhận, bà N2 cho rằng chỉ biết ông X vay tiền để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông N để ông N có tiền trả Ngân hàng nên trước khi cho vay thì bà đã yêu cầu các bên ký hợp đồng chuyển nhượng trước; Từ việc ông X vi phạm thời hạn trả nợ và tự nguyện chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho bà N2 là hoàn toàn phù hợp. Tại thời điểm chuyển nhượng, thửa đất đã được chỉnh lý biên động mang tên ông X, các bên tuân thủ điều kiện về nội dung và hình thức, do đó hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/12/2018 giữa vợ chồng ông X, bà N1 với bà N2 có hiệu lực pháp luật.

[3.3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/12/2018 giữa bà Hoàng Thị Kiều N2 với ông Vũ Lê Phi V, vì ông X, bà N2 có hành vi cố ý tẩu tán tài sản, làm phức tạp thêm tình trạng thửa đất. Tuy nhiên, nội dung này là không có cơ sở, bởi lẽ: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm bà N2 khai nguồn gốc số tiền 2.300.000.000 đồng bà N2 cho ông X vay là tiền bà vay từ những người khác, khi ông X không trả được nợ thì bà N2 cầm cố tài sản này cho ông V để vay tiền của ông V, do không có tiền trả nợ cho ông V nên bà N2 đã tự nguyện chuyển nhượng thửa đất số 18x, tờ bản đồ số 37 và tài sản trên đất để cầm trả nợ. Trong khi đó, ông V không biết việc tranh chấp có liên quan đến thửa đất nêu trên, đồng thời tại thời điểm này giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã đứng tên bà N2 nên việc nhận chuyển nhượng là ngay tình. Ngày 14/01/2019, ông V đã được Sở Tài nguyên và môi trường cấp GCNQSD đất số CP 1889xx đối với thửa đất 18X, tờ bản đồ số 37; từ sau khi nhận chuyển nhượng ông V là người quản lý, sử dụng thửa đất cho đến nay, đồng thời đã cải tạo, sửa chữa lại căn nhà và các tài sản trên đất.

Như vậy, mặc dù hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông N, bà N1 sang cho ông X bị vô hiệu nhưng theo quy định tại Điều 133 Bộ luật dân sự năm 2015 thì quyền lợi của ông V, bà H được pháp luật bảo vệ vì ông V, bà H là người thứ ba

ngay tình. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/12/2018 là đúng đắn.

[3.4] Xét nguyên đơn yêu cầu ông X phải trả lại quyền sử dụng đất thửa đất số 18x, tờ bản đồ số 37 tại địa chỉ 185/xx đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thuộc phần giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là không thể thực hiện được. Vì theo nhận định tại mục [3.2] và [3.3] thì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông X, bà N1 với bà N2 và giữa bà N2 với ông V là các giao dịch có hiệu lực pháp luật, quyền lợi của người thứ ba ngay tình là ông V, bà H được tôn trọng nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông X phải thanh toán lại bằng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất 6.537.415.000 đồng là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn có đơn yêu cầu định giá lại giá trị thửa đất và tài sản trên đất nhưng sau đó lại rút đơn yêu cầu nên không xem xét lại giá trị về tài sản.

[3.5] Về yêu cầu chấm dứt hiệu lực của Văn bản thỏa thuận về việc hợp tác kinh doanh ngày 30/8/2018 giữa ông N, bà N1, ông Đ, bà B với ông X đều được các đương sự thống nhất hủy bỏ và không yêu cầu giải quyết hậu quả nên Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện này.

[3.6] Về yêu cầu phản tố của bị đơn ông X về việc buộc ông N phải trả số tiền nợ gốc 750.000.000 đồng vay ngày 10/4/2018 và lãi suất phát sinh: Phía ông N cũng thừa nhận khoản nợ này và đồng ý trả gốc và lãi theo quy định cho ông X. Mặc dù ngày 24/02/2019 ông X xin rút yêu cầu phản tố (BL 80) nhưng đến ngày 24/4/2019 ông X đã làm đơn yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết đơn phản tố của ông (BL 93) nên khi xem xét vụ án, cấp sơ thẩm chỉ ghi nhận sự tự nguyện này của ông N mà không tuyên chấp nhận yêu cầu phản tố của ông X là có phần thiếu sót. Xét thấy vi phạm này không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án, không làm thay đổi nghĩa vụ của đương sự nên cấp phúc thẩm chỉ sửa lại cho phù hợp.

Đối với số tiền 2.300.000.000 đồng ông N vay của ông X để trả nợ ngân hàng thì ông N đã trả được 2.000.000.000 đồng theo giấy “*Biên nhận*” ngày 04/9/2018 (BL 132) ông X có viết “*Tôi Đinh Văn X đã nhận đủ số tiền của ông N là 2 tỷ*”, còn lại 300.000.000 đồng ông N đồng ý trả tiếp nên cần chấp nhận. Ông X cho rằng ông không được nhận tiền mà do ông N yêu cầu viết giấy nhằm hợp thức hóa việc ông N đã sang tên căn nhà cho ông X nhưng không có chứng cứ chứng minh, không phù hợp với mục đích ban đầu các bên thực hiện việc chuyển nhượng nên không có cơ sở xem xét.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đơn kháng cáo của nguyên đơn ông N là không có căn cứ để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Do kháng cáo của ông Nguyễn N không được chấp nhận nên ông N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

- Sung công quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà bà Nguyễn Thị Ly N1 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đinh Văn X là bà Hoàng Thị S đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn N; Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2023/DS-ST ngày 16, 22/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ly N1 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đinh Văn X là bà Hoàng Thị S.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn N và bà Nguyễn Thị Ly N1.

Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/9/2018 giữa ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị Ly N1 với ông Đinh Văn X; được công chứng tại Văn phòng công chứng Đ, số công chứng 013753, quyển số ĐĐ/CC-SCC/HĐGD là vô hiệu.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị Ly N1 đối với yêu cầu: Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/12/2018 giữa ông Đinh Văn X, bà Phạm Thị Hồng N1 với bà Hoàng Thị Kiều N2; được công chứng tại Văn phòng công chứng T, số công chứng 00012308, quyển số 12/2018/TP/CC-SCC/HĐGD.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị Ly N1 đối với yêu cầu: Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/12/2018 giữa bà Hoàng Thị Kiều N2 với ông Vũ Lê Phi V; được công chứng tại Văn phòng công chứng T, số công chứng 00012617, quyển số 12/2018/TP/CC-SCC/HĐGD.

3. Ông Đinh Văn X có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị Ly N1 giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 18x, tờ bản đồ số 37, tại số 185/xx đường Đ, phường T, thành phố B; với số tiền là 6.537.415.000 đồng (*Sáu tỷ, năm trăm ba mươi bảy triệu, bốn trăm mười lăm nghìn đồng*).

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị Ly N1 về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Hoàng Thị Kiều N2; ông Vũ Lê Phi V.

5. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đinh Văn X: Buộc ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị Ly N1 có nghĩa vụ trả cho ông Đinh Văn X khoản nợ ngày 10/4/2018 tổng cộng là 1.114.965.500 đồng (*một tỷ, một trăm mười bốn triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, năm trăm đồng*), trong đó gốc là 750.000.000 đồng, lãi là 364.965.500 đồng (tính từ ngày vay 10/4/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/02/2023).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị Ly N1 có nghĩa vụ trả cho ông Đinh Văn X số tiền nợ của khoản vay ngày 04/9/2018 là 436.479.000 đồng (*bốn trăm ba mươi sáu triệu, bốn trăm bảy mươi chín nghìn đồng*), trong đó gốc là 300.000.000 đồng, lãi là 136.479.000 đồng (tính từ ngày vay 04/9/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/02/2023).

Tổng cộng ông N, bà N1 phải trả cho ông X tiền gốc và lãi là 1.551.444.500 đồng (*một tỷ, năm trăm năm mươi một triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

6. Hủy văn bản thỏa thuận về việc hợp tác kinh doanh ngày 30/8/2018 giữa ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị Ly N1, ông Lê Hữu Đ, bà Hoàng Thị B và ông Đinh Văn X; được công chứng tại Văn phòng công chứng B, số công chứng 002764, quyền số 08/TP/CC-SCC/HĐGD.

7. Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật thì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2019/QĐ-BPKCTT ngày 05/3/2019 về “Cấm thực hiện hành vi nhất định” của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột trong quá trình giải quyết vụ án bị hủy bỏ.

8. Về các chi phí tố tụng: Bị đơn ông Đinh Văn X phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng). Ông Nguyễn N được trả lại số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng) tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản sau khi thu được từ ông X.

9. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bị đơn ông Đinh Văn X phải chịu 114.537.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 17.000.000 đồng tạm ứng án phí do ông Nguyễn Khánh Linh đã nộp thay theo Biên lai thu số AA/2017/0008567 ngày 29/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Ông X còn phải nộp 97.537.000 đồng (*chín mươi bảy triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Nguyên đơn ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị Ly N1 phải chịu 58.543.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông N, bà N1 được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0008286 ngày 15/10/2018 và 600.000 đồng do ông Mai Quốc Ánh đã nộp thay theo Biên lai thu số 60AA/2021/0004131 ngày 28/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Ông N, bà N1 còn phải nộp 57.343.000 đồng (*năm mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị Ly N1 và ông Đinh Văn X mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ hết số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số AA/2022/0001628 ngày 29/3/2023, AA/2022/0001629 ngày 29/3/2023 (do ông Văn Đức M nộp thay cho

ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị Ly N1) và biên lai số AA/2022/0001689 ngày 06/4/2023 (do ông Hồ Ngọc Danh nộp thay cho ông Đinh Văn X) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Như vậy, ông N, bà N1, ông X đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

10. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr